

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Võ Thanh Tân - Bà Trần Thanh Vân

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-KDTM, ngày 02 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 19 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 518/2024/QĐST-KDTM, ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng H, V, G L và D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn A - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2. Văn bản ủy quyền số: 603/2023/EIB/UQ-CTHQQT, ngày 29/12/2023. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số C H, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ông Huỳnh Quốc V - Trưởng phòng Khách hàng cá nhân E, chi nhánh A2. Văn bản ủy quyền số: 81/2024/EIBAG/UQ, ngày 10/4/2024. Có mặt.

- Bà Trương Quỳnh Khuê L - Phó phòng Khách hàng cá nhân E, chi nhánh A2. Văn bản ủy quyền số: 23/2024/EIBAG/UQ, ngày 10/01/2024.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số A H, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Hà Huỳnh Linh K, sinh năm 1992. Vắng mặt.

3.2. Chị Võ Thị Trâm A1, sinh năm 1995. Vắng mặt.

3.3 Anh Hà Huỳnh Linh K1, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Số E, đường số E, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tố tụng ông Huỳnh Quốc V đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/4/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Huỳnh Thị Thu H ký hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502. Theo đó, Ngân hàng cho bà H vay số tiền 4.500.000.000 đồng, theo từng khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004257, ngày 29/11/2023 vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/5/2024.

Khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004316, ngày 01/12/2023 vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/6/2024.

Khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004350 ngày 05/12/2023 vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/6/2024.

Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh lúa (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8012793 tên chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị Thu H), lãi suất 0,833%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày ký khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc một lần khi đáo hạn khoản vay; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25 tây. Ngân hàng đã giải ngân cho bà H đủ số tiền các khoản vay trên vào ngày ký khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm các khoản vay trên Ngân hàng và bà H ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09222, diện tích 191,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 19, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/4/2017 mang tên Huỳnh Thị Thu H thuộc quyền sở hữu của bà Huỳnh Thị Thu H.

Tài sản thế chấp trên được Phòng C chứng nhận ngày 03/3/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ chi nhánh L1 cùng ngày 03/3/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà H không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2 đại diện nhận) tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 4.841.231.444 đồng. Cụ thể: Nợ gốc của khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004257 là 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi 112.997.479 đồng; Nợ gốc của khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004316 là 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi 114.508.576 đồng; Nợ gốc của khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004350 là 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi 113.725.389 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 với mức lãi suất theo các khế ước nhận nợ số 1502-LDS-230004257, 1502-LDS-230004316 và 1502-LDS-230004350 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Trường hợp, bà Huỳnh Thị Thu H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn về việc bà có xác lập hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502 vào ngày 24/4/2023 và bà đã nhận đủ tiền do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X giải ngân theo các khế ước nhận nợ 1502 - LDS - 230004257; 1502 - LDS - 230004316 và 1502 - LDS - 230004350 cũng như thừa nhận có thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bà theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022. Nguyên đơn yêu cầu bà chịu trách nhiệm trả tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 4.841.231.444 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả xong nợ đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu bà không trả nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý.

Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của bà khó khăn nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho bà được thanh toán hết nợ gốc, lãi chậm nhất đến tháng 02/2025, lý do đến thời điểm này gia đình bà sẽ hỗ trợ nguồn tiền cho bà trả nợ. Bà xác định toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà, không liên quan đến các con bà là Hà Huỳnh Linh K, Hà Huỳnh Linh K1 và con dâu Võ Thị Trâm A1, vì những người này ở nhờ trong nhà của bà.

*Tại văn bản trình bày ý kiến của anh Hà Huỳnh Linh K và chị Võ Thị Trâm A1 ngày 12/7/2024 và của anh Hà Huỳnh Linh K1 ngày 13/7/2024 thể hiện cùng nội*

*dung*: Tài sản tranh chấp trong vụ án là tài sản của mẹ tôi (bà Huỳnh Thị Thu H); các anh chị không liên quan, không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tổng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

\* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và án lệ số 11/2017/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Buộc bà Huỳnh Thị Thu H - chủ hộ kinh doanh Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2 đại diện nhận) số tiền gốc chưa thanh toán và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502 ngày 24/4/2023 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ đã vay cho Ngân hàng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp, bà Huỳnh Thị Thu H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án và dành quyền ưu tiên mua cho bà Huỳnh Thị Thu H, anh Hà Huỳnh Linh K, chị Võ Thị Trâm A1, anh Hà Huỳnh Linh K1 là những người đang sinh sống tại nhà trên đất khi có nhu cầu (nhận chuyển nhượng).

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Buộc bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu án phí dân sự do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiểu mục 13.2 Điều 13 của hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502, ngày 24/4/2023 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận phát sinh tranh chấp do Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Bị đơn cư ngụ tại phường B, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy, Tòa án đã thu thập thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên việc vắng mặt của những người liên quan không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ngày 24/4/2023 bà H ký hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502 để vay của Ngân hàng 4.500.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền do Ngân hàng giải ngân theo các khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004257, ngày 29/11/2023; số 1502 - LDS - 230004316, ngày 01/12/2023 và khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004350, ngày 05/12/2023. Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh lúa, lãi suất 0,833%/tháng. Lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày ký khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn; trả nợ gốc một lần khi đáo hạn khoản vay; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25 tây.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm các khoản vay trên bà H thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09222, diện tích 191,5m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/4/2017 mang tên Huỳnh Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022. Tài sản thế chấp trên được Phòng C chứng nhận ngày 03/3/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ chi nhánh L1 cùng ngày 03/3/2022.

[2.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H không trả vốn, lãi theo hợp đồng đã ký mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu tất toán nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 4.841.231.444 đồng. Yêu cầu bà H tiếp tục chịu lãi

phát sinh đến khi trả xong nợ, đồng thời xử lý tài sản thế chấp nếu không trả nợ cho Ngân hàng trong quá trình thi hành án.

[2.4]. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc bà có xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng và thừa nhận tạm tính đến ngày 05/9/2024 bà còn nợ tổng nợ gốc và lãi là 4.841.231.444 đồng, xin Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ như nêu trên.

[2.5]. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ ý kiến như trình bày trên, Ngân hàng không đồng ý kéo dài thời gian trả nợ theo yêu cầu bà H. Các đương sự xác định tài sản thế chấp không thay đổi, phát sinh so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, các đương sự thống nhất với nhau về việc xác lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản cũng như bị đơn thừa nhận nợ gốc và nợ lãi như đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ đề nghị cho thêm thời gian trả nợ, do hoàn cảnh hiện tại có khó khăn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số LAV230031086/1502 ngày 24/4/2023; các khế ước nhận nợ số 1502 - LDS - 230004257, ngày 29/11/2023; số 1502 - LDS - 230004316, ngày 01/12/2023 và số 1502 - LDS - 230004350, ngày 05/12/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022 do bà H và Ngân hàng xác lập. Tài sản thế chấp được Phòng C chứng nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ chi nhánh L1 cùng ngày 03/3/2022 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Huỳnh Thị Thu H.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 2.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 600.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 1.400.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bà H có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng 600.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà H chịu án phí theo quy định.

Ngân hàng được nhận lại 56.291.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với bà Huỳnh Thị Thu H.

Buộc bà Huỳnh Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2 đại diện nhận) tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 4.841.231.444đ (Bốn tỷ tám trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 05/9/2024 (ngày 06/9/2024) bà Huỳnh Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Huỳnh Thị Thu H không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 50/2022/EIBAG/TDCN-TCTS ngày 03/3/2022 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại cổ phần X thu hồi nợ thì bà Huỳnh Thị Thu H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2 đại diện nhận) số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn) đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu H chịu 112.841.000đ (Một trăm mười hai triệu tám trăm bốn mươi một nghìn) đồng án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại cổ phần X, chi nhánh A2 đại diện nhận) được nhận lại 56.291.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001951, ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

**Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

( đã ký)

**Nguyễn Thị Hoa**